TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10-3-2021
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trưng

Bà Huỳnh Thị Tuyết Nga.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019, về việc: *"Ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 69/TB-TA ngày 24/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim C - sinh năm 1991; cư trú tại thôn C, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh N - sinh năm 1970; cư trú tại số 3930 B, C, SC29210, USA.

(Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Võ Thị Kim C trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Thanh N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 26/10/2016. Sau khi kết hôn, chị và anh N sống chung với gia đình chị được gần ba tháng thì anh N quay trở lại Hoa Kỳ vào ngày 23/12/2016. Sau đó, vợ chồng vẫn gọi điện thoại nói chuyện bình thường cho đến tháng 7/2017 thì không còn liên lạc nữa. Chị đã cố gọi điện, nhắn tin nhưng không thấy anh N phản hồi. Vào khoảng cuối tháng 5/2018, anh N lại liên lạc với chị, nhưng chỉ được vài ngày thì không liên lạc nữa. Bốn tháng sau, anh N lại liên lạc với chị được khoảng một tuần thì không liên lạc cho đến nay. Chị nhiều lần gọi điện, nhắn tin nhưng anh N không trả lời. Khi trở lại Hoa Kỳ, anh N làm hồ sơ bảo lãnh cho chị, nhưng bị trả lại hồ sơ vì anh N không bổ sung thuế và các giấy tờ liên quan tới người bảo lãnh.

Nay, chị xét thấy không còn tình cảm với anh N nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Bị đơn là anh Nguyễn Thanh N không có văn bản trình bày ý kiến.*

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo qui định tại Điều 28, 37, 38, 40, 204, 227, 238, 474, 476, 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền thụ lý vụ án, về xác định tư cách tham gia tố tụng, thực hiện ủy thác tư pháp và lập hồ sơ vụ án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Kim C về việc ly hôn anh Nguyễn Thanh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Võ Thị Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Thanh N, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ tiến hành tống đạt và niêm yết tại trụ sở Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ đối với Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc ghi văn bản trình bày ý kiến, nhưng anh N vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều

227, Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 26/10/2016, nên hôn nhân của chị C và anh N là hợp pháp.

Theo chị C thì chị và anh N chỉ chung sống với nhau khoảng ba tháng, sau khi kết hôn thì anh N quay trở lại Hoa Kỳ. Thời gian đầu, vợ chồng còn liên lạc với nhau qua điện thoại cho đến tháng 7/2017 thì không liên lạc nữa. Cuối tháng 5/2018, anh N liên lạc lại với chị nhưng chỉ được vài ngày; bốn tháng sau, anh N tiếp tục liên lạc với chị nhưng cũng chỉ khoảng một tuần thì không liên lạc với chị cho đến nay. Nhiều lần chị gọi điện, nhắn tin nhưng anh N không trả lời. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về phía anh N, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư pháp theo đúng quy định của pháp luật để tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 11/TB-TLVA ngày 19/8/2019 và Thông báo về việc trình bày ý kiến số 1437/TB-TA ngày 04/10/2019 cho anh N.

Ngày 03/02/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nhận được Công văn số 2565/BTP-PLQT ngày 15/10/2020 của Bộ Tư pháp về việc thông báo kết quả ủy thác tư pháp đối với anh N bằng phương thức chuyển cho người sống chung cùng anh N vào ngày 30/5/2020, nhưng anh N không có văn bản cũng như không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Thời gian chị C và anh N chung sống với nhau sau khi kết hôn là quá ngắn, anh N quay lại Hoa Kỳ sinh sống, làm việc, nên giữa hai người không có nhiều thời gian tìm hiểu, chăm sóc lẫn nhau sau hôn nhân; chị C và anh N lại ở cách xa nhau về mặt địa lý nên phần nào cũng ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân của họ. Do đó, để tạo điều kiện cho chị C ổn định cuộc sống, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C về việc xin ly hôn anh N.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Theo chị C trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[2.4] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí ủy thác tư pháp và chi phí dịch thuật, tổng cộng là 3.300.500 đồng, chị C tự nguyện chịu. Chị C đã nộp và chi phí xong.

[2.5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định trên, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim C được ly hôn anh Nguyễn Thanh N.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Kim C trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Chị Võ Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm ngàn)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn)* theo Biên lai số AA/2018/0002674 ngày 13/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng khác: Tổng cộng là 3.300.500 đồng *(ba triệu, ba trăm ngàn, năm trăm)* chị Võ Thị Kim C tự nguyện chịu. Chị C đã nộp và chi phí xong.

Chị Võ Thị Kim C và anh Nguyễn Thanh N không có mặt tại phiên tòa, chị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 *(một)* tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Thu Lan